BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Thanh toán quốc tế - 1104105

Mã lớp học phần: 110410501 **Số tín chỉ: 4**

Giảng viên giảng dạy:

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1110140002	Hồ Thúy	An	27/09/1992	An	7.5	Bảy rưỡi	C13TC1	
2	1110140010	Hoàng Vũ Ngọc	Anh	22/01/1993	Anh	7.0	Bảy	C13TC1	
3	1110140003	Nguyễn Kim	Anh	07/05/1993	Anh	8.0	Tám	C13TC1	
4	1110140009	~~Thân Thị Vân~~	~~Anh~~	~~26/03/1992~~				C13TC1	
5	1110140008	Trần Nam	Anh	03/12/1993	Anh	5.0	Năm	C13TC1	
6	1110140004	Trần Ngọc	Anh	10/08/1993	Anh	8.0	Tám	C13TC1	
7	1110140007	Trần Thị Kim	Anh	09/08/1993	Anh	8.5	Tám rưỡi	C13TC1	
8	1110140006	Võ Lê Quỳnh	Anh	17/12/1993	Anh	5.5	Năm rưỡi	C13TC1	
9	1110140011	Trần Lê Việt	~~Aùi~~ Ái	18/12/1993	Ái	7.0	Bảy	C13TC1	
10	1110140001	Nguyễn Ngọc Thiên	Ân	08/10/1993	Thiên	7.0	Bảy	C13TC1	
11	1110140014	Nguyễn Duy	Biên	21/01/1992	Biên	6.0	Sáu	C13TC1	
12	1110140015	Võ Tấn Thanh	Bình	19/07/1992	Bình	5.5	Năm rưỡi	C13TC1	
13	1110140013	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	21/09/1993	Bích	6.0	Sáu	C13TC1	
14	1110140018	Lương Gia	Bửu	30/08/1993	Bửu	5.5	Năm rưỡi	C13TC1	
15	1110140017	Tạ Thị Công	Bửu	18/03/1992	Bửu	7.0	Bảy	C13TC1	
16	1110140019	Nguyễn Trường	Ca	05/06/1993	Ca	7.5	Bảy rưỡi	C13TC1	
17	1110140020	Lê Thị	Carôven	20/04/1993	Carôven	8.0	Tám	C13TC1	
18	1110140023	Nguyễn Ngọc	Chánh	20/11/1993	Chánh	6.0	Sáu	C13TC1	
19	1110140021	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	13/11/1992	Châu	6.5	Sáu rưỡi	C13TC1	
20	1110140022	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	03/12/1992	Ngọc	6.0	Sáu	C13TC1	
21	1110140024	Huỳnh Kim	Chi	22/10/1993	Kim	6.0	Sáu	C13TC1	
22	1110140027	Nguyễn Thị Kim	Chi	14/11/1993	Chi	6.5	Sáu rưỡi	C13TC1	
23	1110140025	Phạm Thị Quế	Chi	06/04/1993	Quế	5.5	Năm rưỡi	C13TC1	
24	1110140026	Trần Mỹ	Chi	17/07/1993	Chi	5.0	Năm	C13TC1	
25	1110140032	Nguyễn Thị Hồng	Cúc	01/01/1993	Thị	8.5	Tám rưỡi	C13TC1	
26	1110140031	Nguyễn Mạnh	Cường	06/12/1992	Cường	7.0	Bảy	C13TC1	
27	1110140030	Nguyễn Phi	Cường	06/12/1993	Cường	7.0	Bảy	C13TC1	
28	1110140028	Phạm Bảo	Cường	22/04/1993	Cường	7.0	Bảy	C13TC1	
29	1110140029	Vũ Thế	Cường	25/02/1992	Cường	7.0	Bảy	C13TC1	
30	1110140034	Lê Hoàng	Diệu	29/08/1988	Diệu	6.0	Sáu	C13TC1	
31	1110140033	Nguyễn Thị Hiền	Diệu	29/03/1993	Diệu	9.0	Chín	C13TC1	
32	1110140042	Dương Thị Kim	Dung	02/09/1993	Dung	9.0	Chín	C13TC1	
33	1110140037	Đoàn Thị Kim	Dung	19/03/1993	kd	8.0	Tám	C13TC1	
34	1110140038	Hồ Thị Ngọc	Dung	16/06/1993	Dung	6.0	Sáu	C13TC1	

	SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	10140041	Nguyễn Thị Thanh	Dung	02/03/1993		6.5	Sáu rưỡi	C13TC1	
	1110140040	Nguyễn Thị Thư	Dung	12/06/1993		6.0	Sáu	C13TC1	
37	1110140036	Phan Thị Phương	Dung	25/12/1993		8.5	Tám rưỡi	C13TC1	
38	1110140039	Phạm Thị Thùy	Dung	18/10/1993		6.5	Sáu rưỡi	C13TC1	
39	1110140044	Phan Thị Mỹ	Duyên	19/09/1992		6.0	Sáu	C13TC1	
40	1110140045	Trịnh Thị	Duyên	02/08/1993		6.0	Sáu	C13TC1	
41	1110140035	Trần Thị Trùng	Dương	07/05/1993		9.0	Chín	C13TC1	
42	1110140108	Thái Võ Minh	Đạt	25/07/1993		6.0	Sáu	C13TC1	
43	1110140110	Lưu Văn	Đồng	04/10/1993		6.5	Sáu rưỡi	C13TC1	
44	1110140112	Nguyễn Minh	Đức	15/04/1992		8.0	Tám	C13TC1	
45	1110140111	Phạm Hữu	Đức	30/11/1993		6.0	Sáu	C13TC1	
46	1110140046	Võ Mạnh	Gia	25/07/1991		7.0	Bảy	C13TC1	
47	1110140047	Nguyễn Lê	Giang	24/03/1993		5.5	Năm rưỡi	C13TC1	
48	1110140059	Doãn Hoàng	Hải	09/05/1992		8.0	Tám	C13TC1	
49	1110140058	Đoàn Thị Hằng	Hải	07/12/1993		7.0	Bảy	C13TC1	
50	1110140060	Lâm Trí	Hải	06/12/1993		7.0	Bảy	C13TC1	
51	1110140054	Nguyễn Thị	Hạnh	25/06/1992		6.5	Sáu rưỡi	C13TC1	
52	1110140055	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	30/04/1993		7.5	Bảy rưỡi	C13TC1	
53	1110140052	Bùi Thái Thanh	Hằng	05/01/1993		8.0	Tám	C13TC1	
54	1110140051	Nghiêm Thị Diệu	Hằng	02/07/1992		6.0	Sáu	C13TC1	
55	1110140050	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	06/09/1992		6.0	Sáu	C13TC1	
56	1110140049	Tạ Thu	Hằng	01/05/1993		1.0	Một	C13TC1	
57	1110140064	Đinh Thúy	Hiền	20/12/1992		6.5	Sáu rưỡi	C13TC1	
58	1110140063	Nguyễn Thị Thu	Hiền	01/10/1993		6.0	Sáu	C13TC1	
59	1110140062	Võ Thị Trúc	Hiền	06/02/1992		6.0	Sáu	C13TC1	
60	1110140067	Phạm Minh	Hiếu	25/02/1990		8.5	Tám rưỡi	C13TC1	
61	1110140068	Nguyễn Dương Phương	Hoa	13/01/1993		6.0	Sáu	C13TC1	
62	1110140070	Nguyễn Minh	Hoài	19/11/1992		7.0	Bảy	C13TC1	
63	1110140071	Nguyễn Thị Kim	Hoàng	28/05/1993		3.5	Ba rưỡi	C13TC1	
64	1110140072	Phạm Huy	Hoàng	30/07/1993		6.0	Sáu	C13TC1	
65	1110140075	Bùi Thi Hải	Hòa	28/10/1992		5.5	Năm rưỡi	C13TC1	
66	1110140076	Trần Văn	Hòa	08/08/1993		5.5	Năm rưỡi	C13TC1	
67	1110140069	Phan Thị	Hồng	10/02/1992		8.5	Tám rưỡi	C13TC1	
68	1110140073	Võ Văn	Hơn	01/03/1993		5.5	Năm rưỡi	C13TC1	
69	1110140081	Mai Quốc	Huy	23/10/1992		7.0	Bảy	C13TC1	
70	1110140082	Ngô Thị Ngọc	Huyền	10/08/1993		7.0	Bảy	C13TC1	
71	1110140083	Trần Nữ Đỗ	Huỳnh	08/09/1993		7.0	Bảy	C13TC1	
72	1110140074	Nguyễn Ngọc	Hưng	05/10/1993		8.5	Tám rưỡi	C13TC1	
73	1110140078	Huỳnh Thị Kim	Hương	27/05/1993		7.0	Bảy	C13TC1	
74	1110140077	Trần Thị Thu	Hương	14/06/1993		8.5	Tám rưỡi	C13TC1	
75	1110140079	Nguyễn Thị Thu	Hường	29/03/1993		6.0	Sáu	C13TC1	
76	1110140086	Nguyễn Kim Hoàng	Kha	02/07/1993		7.0	Bảy	C13TC1	
77	1110140085	Nguyễn Thị Mai	Kha	19/06/1993		6.0	Sáu	C13TC1	
78	1110140084	Tô Nguyễn	Kha	10/02/1993		8.0	Tám	C13TC1	

	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	1110140088	Lê Văn	**Khang**	25/06/1993		6.5	Sáu rưỡi	C13TC1	
	1110140089	Nguyễn Dương	**Khang**	02/04/1993		5.5	Năm rưỡi	C13TC1	
81	1110140087	Phạm Hoàng	**Khang**	14/06/1993		3.5	Ba rưỡi	C13TC1	
82	1110140090	Bùi Dân	**Khánh**	20/05/1993		7.0	Bảy	C13TC1	
83	1110140092	~~Hoàng Nam~~	~~**Khánh**~~	~~26/06/1992~~				C13TC1	
84	1110140093	Trương Châu Minh	**Khôi**	06/07/1993		7.0	Bảy	C13TC1	
85	1110140094	Đặng Tường Duy	**Khương**	25/04/1993		5.0	Năm	C13TC1	
86	1110140096	Dương Thị Thanh	**Kiều**	12/03/1993		6.0	Sáu	C13TC1	
87	1110140095	Phạm Trần Anh	**Kiệt**	09/09/1993		6.0	Sáu	C13TC1	
88	1110140097	Huỳnh Thị Thiên	**Kim**	16/10/1993		6.0	Sáu	C13TC1	
89	1110140099	Nguyễn Hồng Thụy Xuân	**Lan**	15/09/1993		7.0	Bảy	C13TC1	
90	1110140100	Lê Thị	**Lãnh**	26/03/1993		6.0	Sáu	C13TC1	
91	1110140098	Cao Ngọc	**Lâm**	19/12/1993		6.0	Sáu	C13TC1	
92	1110140101	Nguyễn Thị Huỳnh	**Lê**	27/02/1993		8.0	Tám	C13TC1	
93	1110140104	Trần Thị	**Liên**	21/05/1993		7.0	Bảy	C13TC1	
94	1110140105	Đào Thị Bích	**Liễu**	14/06/1993		6.0	Sáu	C13TC1	
95	1110140118	Trần Thùy	**Linh**	28/08/1993		6.5	Sáu rưỡi	C13TC1	
96	1110140106	Vũ Thị Trúc	**Linh**	06/06/1993		6.5	Sáu rưỡi	C13TC1	
97	1110140107	Trần Thị Bạch	**Mai**	25/04/1993		7.5	Bảy rưỡi	C13TC1	
98	1110140109	Thái Thị Minh	**Nguyệt**	29/01/1993		8.0	Tám	C13TC1	
99	1110140114	Võ Hữu Minh	**Tân**	03/05/1993		7.0	Bảy	C13TC1	
100	1110140115	Nguyễn Thị Kim	**Uyên**	03/02/1993		6.0	Sáu	C13TC1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần*

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ D.2E

Học kỳ 1 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Thanh toán quốc tế - 1104105
Mã lớp học phần: 110410501 **Số tín chỉ: 4**
Giảng viên giảng dạy:
Ngày thi: 26.12.13 **Giờ thi:** 15h50 **Phòng thi:** A1.10+A1.11

Giám thị 1: Minh Hiền Ký tên:
Giám thị 2: Ngọ Thơ Ký tên:
Giám thị 3: Y.Anh Ký tên:
Giám thị 4: P.Thuần Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1110140002	Hồ Thúy	An	27/09/1992	An	1	6.0	Sáu	C13TC1	
2	1110140010	Hoàng Vũ Ngọc	Anh	22/01/1993	Anh	1	7.0	Bảy	C13TC1	
3	1110140003	Nguyễn Kim	Anh	07/05/1993	Anh.	1	3.5	Ba rưỡi	C13TC1	
4	1110140009	Thân Thị Vân	Anh	26/03/1992					C13TC1	✓
5	1110140008	Trần Nam	Anh	03/12/1993	Anh	1	3.5	Ba rưỡi	C13TC1	
6	1110140004	Trần Ngọc	Anh	10/08/1993	NK	1	8.5	Tám rưỡi	C13TC1	
7	1110140007	Trần Thị Kim	Anh	09/08/1993	Anh	1	6.0	Sáu	C13TC1	
8	1110140006	Võ Lê Quỳnh	Anh	17/12/1993	Anh	1	6.0	Sáu	C13TC1	
9	1110140011	Trần Lê Việt	Aùi	18/12/1993	AL	1	4.0	Bốn	C13TC1	
10	1110140001	Nguyễn Ngọc Thiên	Ân	08/10/1993	Thanh	1	5.0	Năm	C13TC1	
11	1110140014	Nguyễn Duy	Biên	21/01/1992	Biên	1	5.5	Năm rưỡi	C13TC1	
12	1110140015	Võ Tấn Thanh	Bình	19/07/1992		1	3.0	Ba	C13TC1	
13	1110140013	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	21/09/1993	Bich	1	7.0	Bảy	C13TC1	
14	1110140018	Lương Gia	Bửu	30/08/1993		1	6.0	Sáu	C13TC1	
15	1110140017	Tạ Thị Công	Bửu	18/03/1992		1	9.5	Chín rưỡi	C13TC1	
16	1110140019	Nguyễn Trường	Ca	05/06/1993	Ca	1	6.5	Sáu rưỡi	C13TC1	
17	1110140020	Lê Thị	Carôven	20/04/1993	Caroven	1	6.0	Sáu	C13TC1	
18	1110140023	Nguyễn Ngọc	Chánh	20/11/1993	Chanh	1	7.0	Bảy	C13TC1	
19	1110140021	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	13/11/1992	Cu	1	6.5	Sáu rưỡi	C13TC1	
20	1110140022	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	03/12/1992	Nghau	1	5.0	Năm	C13TC1	
21	1110140024	Huỳnh Kim	Chi	22/10/1993		1	6.0	Sáu	C13TC1	
22	1110140027	Nguyễn Thị Kim	Chi	14/11/1993		1	5.5	Năm rưỡi	C13TC1	
23	1110140025	Phạm Thị Quế	Chi	06/04/1993	Que	1	5.5	Năm rưỡi	C13TC1	
24	1110140026	Trần Mỹ	Chi	17/07/1993		1	5.0	Năm	C13TC1	
25	1110140032	Nguyễn Thị Hồng	Cúc	01/01/1993		1	5.5	Năm rưỡi	C13TC1	
26	1110140031	Nguyễn Mạnh	Cường	06/12/1992		1	4.0	Bốn	C13TC1	
27	1110140030	Nguyễn Phi	Cường	06/12/1993		1	5.0	Năm	C13TC1	
28	1110140028	Phạm Bảo	Cường	22/04/1993					C13TC1	✓
29	1110140029	Vũ Thế	Cường	25/02/1992		1	2.5	Hai rưỡi	C13TC1	
30	1110140034	Lê Hoàng	Diệu	29/08/1988		1	2.0	Hai	C13TC1	
31	1110140033	Nguyễn Thị Hiền	Diệu	29/03/1993		1	6.0	Sáu	C13TC1	
32	1110140042	Dương Thị Kim	Dung	02/09/1993	Dung	1	5.0	Năm	C13TC1	
33	1110140037	Đoàn Thị Kim	Dung	19/03/1993		1	6.0	Sáu	C13TC1	
34	1110140038	Hồ Thị Ngọc	Dung	16/06/1993	Dung	1	7.0	Bảy	C13TC1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	1110140041	Nguyễn Thị Thanh	**Dung**	02/03/1993		1	6.0	Sáu	C13TC1	
36	1110140040	Nguyễn Thị Thư	**Dung**	12/06/1993		1	5.0	Năm	C13TC1	
37	1110140036	Phan Thị Phương	**Dung**	25/12/1993		1	6.5	Sáu rưỡi	C13TC1	
38	1110140039	Phạm Thị Thùy	**Dung**	18/10/1993		1	7.5	Bảy rưỡi	C13TC1	
39	1110140044	Phan Thị Mỹ	**Duyên**	19/09/1992		1	5.0	Năm	C13TC1	
40	1110140045	Trịnh Thị	**Duyên**	02/08/1993		1	5.0	Năm	C13TC1	
41	1110140035	Trần Thị Trùng	**Dương**	07/05/1993		1	3.0	Ba	C13TC1	
42	1110140108	Thái Võ Minh	**Đạt**	25/07/1993		1	1.0	Một	C13TC1	
43	1110140110	Lưu Văn	**Đồng**	04/10/1993		1	2.5	Hai rưỡi	C13TC1	
44	1110140112	Nguyễn Minh	**Đức**	15/04/1992		1	4.0	Bốn	C13TC1	
45	1110140111	Phạm Hữu	**Đức**	30/11/1993		1	4.5	Bốn rưỡi	C13TC1	
46	1110140046	Võ Mạnh	**Gia**	25/07/1991		1	2.0	Hai	C13TC1	
47	1110140047	Nguyễn Lê	**Giang**	24/03/1993		1	3.5	Ba rưỡi	C13TC1	
48	1110140059	Doãn Hoàng	**Hải**	09/05/1992		1	6.5	Sáu rưỡi	C13TC1	
49	1110140058	Đoàn Thị Hằng	**Hải**	07/12/1993		1	6.0	Sáu	C13TC1	
50	1110140060	Lâm Trí	**Hải**	06/12/1993		1	3.5	Ba rưỡi	C13TC1	
51	1110140054	Nguyễn Thị	**Hạnh**	25/06/1992		1	6.5	Sáu rưỡi	C13TC1	
52	1110140055	Nguyễn Thị Hồng	**Hạnh**	30/04/1993		1	8.0	Tám	C13TC1	
53	1110140052	Bùi Thái Thanh	**Hằng**	05/01/1993		1	6.5	Sáu rưỡi	C13TC1	
54	1110140051	Nghiêm Thị Diệu	**Hằng**	02/07/1992		1	5.5	Năm rưỡi	C13TC1	
55	1110140050	Nguyễn Thị Thanh	**Hằng**	06/09/1992		1	5.5	Năm rưỡi	C13TC1	
56	1110140049	Tạ Thu	**Hằng**	01/05/1993		1	3.0	Ba	C13TC1	
57	1110140064	Đinh Thúy	**Hiền**	20/12/1992		1	4.0	Bốn	C13TC1	
58	1110140063	Nguyễn Thị Thu	**Hiền**	01/10/1993		1	4.5	Bốn rưỡi	C13TC1	
59	1110140062	Võ Thị Trúc	**Hiền**	06/02/1992		1	6.5	Sáu rưỡi	C13TC1	
60	1110140067	Phạm Minh	**Hiếu**	25/02/1990		1	6.5	Sáu rưỡi	C13TC1	
61	1110140068	Nguyễn Dương Phương	**Hoa**	13/01/1993		1	5.5	Năm rưỡi	C13TC1	
62	1110140070	Nguyễn Minh	**Hoài**	19/11/1992		1	3.5	Ba rưỡi	C13TC1	
63	1110140071	Nguyễn Thị Kim	**Hoàng**	28/05/1993					C13TC1	✓
64	1110140072	Phạm Huy	**Hoàng**	30/07/1993		1	1.0	Một	C13TC1	
65	1110140075	Bùi Thi Hải	**Hòa**	28/10/1992		1	3.0	Ba	C13TC1	
66	1110140076	Trần Văn	**Hòa**	08/08/1993		1	5.5	Năm rưỡi	C13TC1	
67	1110140069	Phan Thị	**Hồng**	10/02/1992		1	6.5	Sáu rưỡi	C13TC1	
68	1110140073	Võ Văn	**Hơn**	01/03/1993		1	4.0	Bốn	C13TC1	
69	1110140081	Mai Quốc	**Huy**	23/10/1992		1	2.0	Hai	C13TC1	
70	1110140082	Ngô Thị Ngọc	**Huyền**	10/08/1993		1	5.0	Năm	C13TC1	
71	1110140083	Trần Nữ Đỗ	**Huỳnh**	08/09/1993		1	5.0	Năm	C13TC1	
72	1110140074	Nguyễn Ngọc	**Hưng**	05/10/1993		1	5.0	Năm	C13TC1	
73	1110140078	Huỳnh Thị Kim	**Hương**	27/05/1993		1	7.0	Bảy	C13TC1	
74	1110140077	Trần Thị Thu	**Hương**	14/06/1993		1	5.0	Năm	C13TC1	
75	1110140079	Nguyễn Thị Thu	**Hường**	29/03/1993		1	6.0	Sáu	C13TC1	
76	1110140086	Nguyễn Kim Hoàng	**Kha**	02/07/1993		1	6.5	Sáu rưỡi	C13TC1	
77	1110140085	Nguyễn Thị Mai	**Kha**	19/06/1993		1	5.0	Năm	C13TC1	
78	1110140084	Tô Nguyễn	**Kha**	10/02/1993		1	2.0	Hai	C13TC1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
79	1110140088	Lê Văn	**Khang**	25/06/1993		1	3,5	Ba rưỡi	C13TC1	
80	1110140089	Nguyễn Dương	**Khang**	02/04/1993		1	1,0	Một	C13TC1	
81	1110140087	Phạm Hoàng	**Khang**	14/06/1993		1	5,0	Năm	C13TC1	
82	1110140090	Bùi Dân	**Khánh**	20/05/1993		1	3,5	Ba rưỡi	C13TC1	
83	1110140092	Hoàng Nam	**Khánh**	26/06/1992					C13TC1	V
84	1110140093	Trương Châu Minh	**Khôi**	06/07/1993		1	4,0	Bốn	C13TC1	
85	1110140094	Đặng Tường Duy	**Khương**	25/04/1993		1	4,0	Bốn	C13TC1	
86	1110140096	Dương Thị Thanh	**Kiều**	12/03/1993		1	4,5	Bốn rưỡi	C13TC1	
87	1110140095	Phạm Trần Anh	**Kiệt**	09/09/1993		1	5,5	Năm rưỡi	C13TC1	
88	1110140097	Huỳnh Thị Thiên	**Kim**	16/10/1993		1	5,0	Năm	C13TC1	
89	1110140099	Nguyễn Hồng Thụy Xuân	**Lan**	15/09/1993		1	7,5	Bảy rưỡi	C13TC1	
90	1110140100	Lê Thị	**Lãnh**	26/03/1993		1	4,5	Bốn rưỡi	C13TC1	
91	1110140098	Cao Ngọc	**Lâm**	19/12/1993		1	6,0	Sáu	C13TC1	
92	1110140101	Nguyễn Thị Huỳnh	**Lê**	27/02/1993		1	7,0	Bảy	C13TC1	
93	1110140104	Trần Thị	**Liên**	21/05/1993		1	4,5	Bốn rưỡi	C13TC1	
94	1110140105	Đào Thị Bích	**Liễu**	14/06/1993		1	6,0	Sáu	C13TC1	
95	1110140118	Trần Thùy	**Linh**	28/08/1993		1	2,0	Hai	C13TC1	
96	1110140106	Vũ Thị Trúc	**Linh**	06/06/1993		1	4,5	Bốn rưỡi	C13TC1	
97	1110140107	Trần Thị Bạch	**Mai**	25/04/1993		1	8,5	Tám rưỡi	C13TC1	
98	1110140109	Thái Thị Minh	**Nguyệt**	29/01/1993		1	5,0	Năm	C13TC1	
99	1110140114	Võ Hữu Minh	**Tân**	03/05/1993		1	4,0	Bốn	C13TC1	
100	1110140115	Nguyễn Thị Kim	**Uyên**	03/02/1993		1	4,5	Bốn rưỡi	C13TC1	

Lưu ý: *sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

A1.10 A1.10 (AH11) A1.10 (AH11) A1.10 (AH11)